TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CH MỸ- TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44** /2020/DS-ST
Ngày: 25/6/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tưởng Ngọc Tuấn

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Lợi

Ông Nguyễn Ngọc Quý

Thư ký phiên toà: Ông Tô Mạnh Hà – Thư ký TAND huyện CH Mỹ.

Đại diện VKSND huyện CH Mỹ tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2020, tại trụ sở TAND huyện CH Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/TLST-DSST ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX – DS, ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng tH mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank); Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1994

2.2. Chị Thi Vân H, sinh năm 1993

Đều trú tại: Thôn Lý Nhân, xã Hòa Chính, huyện CH Mỹ, Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt ông Tuấn Anh, bà H.

Ông T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ký kết hai Hợp đồng tín dụng với vợ chồng ông Lê Văn T, bà Thi Vân H cụ thể:

*** Hợp đồng tín dụng số: LN1706280095556 ngày 07/7/2017**. Nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 294.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 48 tháng
- Mục đích vay vốn: Mua ô tô

*** Hợp đồng Số 133-P-263946 ngày 30/6/2017**

- Số tiền vay: 15.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng
- Mục đích vay vốn: Mở thẻ tín dụng

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho ông Lê Văn T, bà Thi Vân H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn T, bà Thi Vân H phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/6/2020 là: 470.840.566 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 292.359.318 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 163.104.884 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.376.364 đồng.

Kể từ ngày 25/6/2020 ông T và bà H tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà H đã thế chấp tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô con; nhãn hiệu Hyundai Grand I10 Sedan 1.2 MT Base; biển kiểm soát 30E – 856.26; số khung MALA 741CAHM229072 thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông T, bà H theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN1706280095556 ngày 17/7/2017 đã thế chấp và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong trường hợp ông T và bà H không trả được nợ, Nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

II. Bị đơn ông Lê Văn T có đơn xác nhận việc ký kết hợp đồng vay tiền tại ngân hàng Vpbank để mua xe ô tô Hyundai Grand I10, hiện ông T đang trực tiếp quản lý, sử dụng xe và do công việc bận nên đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bà Thi Vân H trình bày: Ông T và bà H có ký hợp đồng tín dụng với Vpbank, cụ thể:

* Hợp đồng tín dụng số: LN1706280095556 ngày 07/7/2017. Nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 294.000.000 đồng

- Mục đích vay vốn: Mua ô tô

* Hợp đồng Số 133-P-263946 ngày 30/6/2017

- Số tiền vay: 15.000.000 đồng

- Mục đích vay vốn: Mở thẻ tín dụng

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho ông Lê Văn T, bà Thi Vân H.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà H đã thế chấp tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô con; nhãn hiệu Hyundai Grand I10 Sedan 1.2 MT Base; biển kiểm soát 30E – 856.26; số khung MALA 741CAHM229072 thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông T, bà H theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN1706280095556 ngày 17/7/2017 đã thế chấp và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

Bà H xác nhận còn nợ ngân hàng tính đến ngày 24/6/2020 tổng số tiền là: 470.840.566 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 292.359.318 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 163.104.884 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.376.364 đồng.

Do kinh tế gặp khó khăn nên ông T, bà H chưa trả được hết nợ ngân hàng. Đề nghị tạo điều kiện cho vợ chồng ông T được giãn nợ. Hiện chiếc xe vẫn do ông T, bà H đang quản lý, sử dụng. Nguyện vọng của ông T, bà H đề nghị được trả số nợ gốc và xin miễn giảm lãi.

Đại diện Viện kiểm sát huyện CH Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tổng số tiền tính đến ngày 24/6/2020 là: 470.840.566 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 292.359.318 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 163.104.884 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.376.364 đồng.

Kể từ ngày 25/6/2020 ông T và bà H tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

- Xác định Hợp đồng thế chấp tài sản là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành. Nếu bị đơn không trả được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản để thu hồi khoản nợ.

- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Lê Văn T, bà Thi Vân H cư trú tại: Thôn Lý Nhân, xã Hòa Chính, huyện CH Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện CH Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình Tòa án tiến hành xét xử, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng do Vpbank và ông T, bà H ký kết. Việc giải ngân cho ông T, bà H đã thực hiện đúng theo quy định được bị đơn xác nhận. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã giải ngân cho ông T, bà H vay đủ số tiền 294.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: LN1706280095556 ngày 07/7/2017 và số tiền 15.000.000đ theo Hợp đồng Số 133-P-263946 ngày 30/6/2017. Như vậy Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông T, bà H mới trả được 36.750.000đ nợ gốc; 28.406.806đ nợ lãi. Đến nay ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện đề nghị buộc ông T, bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Lê Văn T, bà Thi Vân H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến 24/6/2020 là 470.840.566 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 292.359.318 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 163.104.884 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.376.364 đồng.

Kể từ ngày 25/6/2020, ông T, bà H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706280095556 ngày 07/7/2017. Theo đó tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con; nhãn hiệu Hyundai Grand I10 Sedan 1.2 MT Base; biển kiểm soát 30E – 856.26; số khung MALA 741CAHM229072.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì các bên không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1706280095556 ngày 07/7/2017 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Theo đó trường hợp ông Lê Văn T, bà Thi Vân H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con; nhãn hiệu Hyundai Grand I10 Sedan 1.2 MT Base; biển kiểm soát 30E – 856.26; số khung MALA 741CAHM229072. Xe ô tô hiện do ông T, bà H đang quản lý, sử dụng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Lê Văn T, bà Thi Vân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 317, 318, 463, 466, khoản 1 Điều 292, 293, 295, 298 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Lê Văn T, bà Thi Vân H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 24/6/2020 tổng số tiền là: **470.840.566 đồng. Trong đó gồm:** Nợ gốc: **292.359.318 đồng**; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: **163.104.884 đồng**; Lãi phạt chậm trả: 15.376.364 đồng.

Kể từ ngày 25/6/2020 ông Lê Văn T, bà Thi Vân H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô con; nhãn hiệu Hyundai Grand I10 Sedan 1.2 MT Base; biển kiểm soát 30E – 856.26; số khung MALA 741CAHM229072. Xe ô tô hiện do ông T, bà H đang quản lý, sử dụng..

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi, lãi quá hạn phát sinh cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Lê Văn T, bà Thi Vân H phải chịu 22.823.623 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 9.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CH Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2010/0008986 ngày 03 tháng 5 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện CH Mỹ;
- THA huyện CH Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Tưởng Ngọc Tuấn